TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 138/2022/DS-PT Ngày: 21 – 6 - 2022 V/v tranh chấp *"hợp đồng mua bán tài sản"*.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Phong

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Lê Huy

Ông Võ Ngọc Giàu

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tấn Đạt - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên toà:*** Ông Võ Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2022/TLPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 106/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trình Quốc N, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Số 173 ấp N, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Lê Thị Hồng T, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Số 244/2 Tổ T, ấp P, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 18/3/2021)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc X, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người kháng cáo:* bị đơn Nguyễn Ngọc X.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại Đơn khởi kiện ngày 13/4/2021 của ông Trình Quốc N và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị Lê Thị Hồng T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ông Nguyễn Ngọc X tên thường gọi ở địa phương là B. Ông N bán vật tư nông nghiệp (phân bón, thuốc trừ sâu) cho ông X để ông X trồng hoa màu. Ông N và ông X bắt đầu việc mua bán từ năm 2013, hình thức mua bán là gối đầu. Ông N sẽ cung cấp phân bón, thuốc trừ sâu cho ông X, sau khi ông X thu hoạch hoa màu sẽ thanh toán tiền cho Ông N. Hai bên không lập hợp đồng mua bán, mà có mở sổ theo dõi, mỗi bên giữ một cuốn, cả hai cuốn sổ đều do phía ông N ghi, việc chốt sổ vào ngày 30/4 hàng năm. Khi ông X trả cho ông N bao nhiêu tiền thì ông N sẽ ghi vào sổ của ông N là đã trả bấy nhiêu, đồng thời gạch bỏ phía bên sổ của ông X. Đến ngày 30/4/2018 tổng kết nợ thì ông X còn nợ ông N số tiền 27.393.751 đồng (Trong đó: Tiền vốn là 25.342.465 đồng và tiền lãi là 2.051.286 đồng (tiền lãi tính từ ngày 04/12/2017 đến ngày 29/4/2018)). Sau đó, ông X có mua thêm 03 lần (mua thiếu) như sau:

Lần 1: Ngày 07/6/2018 ông X mua với số tiền 444.000 đồng.

Lần 2: Ngày 09/6/2018 ông X mua với số tiền 564.000 đồng.

Lần 3: Ngày 15/6/2018 ông X mua với số tiền 188.500 đồng.

Sau đó ông X không mua hàng của ông N nữa nên ông N chốt nợ, ông X còn nợ số tiền 28.590.251 đồng. Chữ ký X tại hàng ngang qua ngay ngày 9/6 số tiền 564.000 đồng là do ngày 9/6, ông X quên mang theo sổ theo dõi nên ông N yêu cầu ông X ký tên bên sổ của ông N để xác nhận có mua thiếu số tiền 564.000 đồng và để xác nhận còn nợ tổng cộng số tiền 28.590.251 đồng.

Do thời gian quá lâu nên hai bên có thỏa thuận miệng ông X phải trả cho ông N số tiền lãi là 1%/tháng nhưng ông X không thực hiện.

Do đó, ông N khởi kiện yêu cầu ông X trả số tiền nợ gốc là 28.590.251 đồng, và tiền lãi theo lãi suất 1%/tháng từ ngày 15/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính ngày 15/3/2021 (33 tháng) với số tiền 9.434.782 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 38.025.033 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, chị T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

Đối với nợ gốc: Yêu cầu ông X trả cho ông N số tiền 26.538.965 đồng (Trong đó gồm 25.342.465 đồng (Là tiền vốn trong tổng số tiền vừa vốn vừa lãi của số tiền 27.393.751 đồng) và 1.196.500 đồng là số tiền của 3 lần ông X mua thêm).

Đối với tiền lãi: Yêu cầu ông X trả cho ông N số tiền lãi 11.411.754 đồng (Cụ thể tính từ ngày 15/6/2018 đến ngày xét xử (17/01/2022) là 43 tháng, lãi 1%/tháng, trên số tiền vốn 26.538.965 đồng).

Như vậy: Yêu cầu ông X trả cho ông N tổng cộng vừa vốn gốc và tiền lãi là: 37.950.719 đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Ngọc X trình bày:*

Do ông X thứ bảy nên ở địa phương thường gọi ông là anh B hoặc chú B. Từ năm 2013, ông X có mua phân bón, thuốc trừ sâu do ông N bán. Ông X thống nhất hình thức mua bán là gối đầu, việc lập sổ, chốt sổ vào ngày 30/4 hàng năm như phía ông N trình bày. Ông X thừa nhận, sau khi chốt nợ vào ngày 30/4/2018 thì ông còn nợ Ông N số tiền 27.393.751 đồng nhưng ông cũng đã trả đủ số tiền này cho ông N ngay sau khi vừa chốt nợ xong. Tuy nhiên, khi ông trả tiền cho ông N thì hai bên không có làm giấy tờ gì mà ông N chỉ có đưa cho ông Bảng tính công nợ, rồi ông trả đủ tiền cho Ông N vì từ trước đến nay, mỗi khi ông N đưa cho ông X bảng tính công nợ như vậy thì ông X sẽ trả đủ tiền cho Ông N chứ hai bên không làm biên nhận hay giấy tờ gì khác. Ông X thừa nhận chữ ký trong sổ theo dõi nợ của Ông N đã nộp cho Tòa án là chữ ký của ông X, nhưng ông chỉ ký chữ "X" tại hàng ngang qua ngay ngày 9/6 để thừa nhận có nợ số tiền 564.000 đồng, chứ không phải ký tên để xác nhận còn nợ 27.393.751 đồng. Vì số tiền 27.393.751 đồng ông trả xong, ông chỉ còn nợ lại số tiền của ba lần mua sau gồm ngày 7/6 nợ số tiền 444.000 đồng, ngày 9/6 nợ 564.000 đồng và ngày 15/6 nợ 188.500 đồng, tổng cộng còn nợ là 1.196.500 đồng.

Do đó, ông X không đồng ý trả tiền gốc và lãi theo yêu cầu khởi kiện của ông N mà ông chỉ đồng ý trả cho ông N số tiền 1.196.500 đồng.

Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36, Khoản 1 Điều 39, các điều 92, 147, 220, 227, 235, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ các điều 430, 440, 468, 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trình Quốc N. Buộc ông Nguyễn Ngọc X trả cho ông Trình Quốc N số tiền mua phân bón thuốc trừ sâu còn nợ là 37.950.719 đồng đồng (Ba mươi bảy triệu chín trăm năm mươi ngàn bảy trăm mười chín đồng), trong đó (Tiền vốn là 26.538.965 đồng và lãi là 11.411.754 đồng);

Thời gian thực hiện trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật;

Kể từ ngày ông N có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành án xong, nếu ông X chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc X phải chịu 1.897.535 đồng (Một triệu tám trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm ba mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trình Quốc N thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí, án phí.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 25 tháng 01 năm 2022, bị đơn Nguyễn Ngọc X có đơn kháng cáo: yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông là không đồng ý trả cho ông N số tiền như bản án sơ thẩm đã tuyên mà chỉ đồng ý trả cho ông N số tiền 1.196.000 đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm – Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Ngọc X. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DS-ST ngày 17/01/2022 của Toà án nhân dân huyện huyện G, tỉnh Tiền Giang theo hướng buộc ông X trả cho ông N tổng cộng 28.927.472 đồng (gồm: số tiền vốn: 26.538.965 đồng và tiền lãi 2.388.507 đồng).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, áp dụng Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử theo quy định.

[2] Qua nội dung trình bày, tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm và các tài liệu chứng cứ thể hiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc X: yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông là không đồng ý trả cho ông N số tiền như bản án sơ thẩm đã tuyên mà chỉ đồng ý trả cho ông N số tiền 1.196.000 đồng.

Xét thấy:

Căn cứ vào chứng cứ của các bên đương sự cung cấp và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa cho thấy ông Nguyễn Ngọc X có mua phân bón, thuốc trừ sâu do ông N bán. Vào ngày 30/4/2018, ông N và ông X tổng kết nợ thì ông X còn nợ lại ông N số tiền 27.393.751 đồng (trong đó, tiền vốn là 25.342.465 đồng, tiền lãi là 2.051.286 đồng), sau đó ông X có mua thêm 3 lần (mua thiếu) với tổng số tiền là 1.196.500 đồng (cụ thể ngày 07/6/2018 mua thiếu 444.000 đồng, ngày 09/6/2018 mua thiếu 564.000 đồng, ngày 15/6/2018 mua thiếu 188.500 đồng) ông X có ký tên vào sổ cho ông N . Nay ông N khởi kiện yêu cầu ông X phải trả tiền vốn là 26.538.965 đồng và lãi là 11.411.754 đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông X cũng thừa nhận việc mua bán giữa hai bên là gối đầu, có lập sổ theo dõi, mỗi bên giữ một cuốn, nhưng đều do ông N ghi, ghi rất chi tiết: ngày mua, tên sản phẩm, giá và khi ông X trả bao nhiêu thì ông N sẽ ghi bên sổ của ông N là "đã trả" bấy nhiêu, đồng thời sẽ gạch bỏ bên sổ của ông X. Hai bên sẽ tổng kết nợ vào ngày 30/4 hàng năm. Vào ngày 30/4/2018 sau khi tổng kết nợ, ông còn nợ ông N số tiền 27.393.751 đồng, trong đó đã bao gồm tiền lãi. Qua xem xét Bảng tính công nợ do ông X cung cấp Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung bảng tính công nợ đến ngày 30/4/2018 thể hiện rõ các hóa đơn quá hạn là: 35.342.465 đồng. Hóa đơn đã trả ngày 5/3/2018 là 10.000.000 đồng, còn nợ lại vốn là 25.342.465 đồng cộng lãi là 27.393.751 đồng lời khai nhận là chính xác. Nhưng ông X cho rằng số 27.393.751 đồng ông còn nợ ông N, khi ông N đưa cho ông bảng tính công nợ như vậy thì ông sẽ trả đủ tiền cho ông N ngay là không có căn cứ bởi lẽ theo nguyên tắc mua bán, khi ông thanh toán đủ số tiền nợ thì phải thể hiện trong hóa đơn là đã thanh toán xong. Ngoài ra trong cuốn sổ ông X đang giữ cung cấp cho Tòa án cũng thể hiện còn ghi số tiền nợ đến 30/4/2018 số nợ 27.393.751 đồng, tiếp theo dòng bên dưới cuốn sổ ghi tiếp các ngày 07/6/2018 mua thiếu 444.000 đồng, ngày 09/6/2018 mua thiếu 564.000 đồng, ngày 15/6/2018 mua thiếu 188.500 đồng, các trang này không có gạch bỏ hay ghi đã trả xong, chữ ký "X" trong sổ theo dõi nợ do ông N đã cung cấp cho tòa án là chữ ký của ông X, nhưng ông cho rằng chỉ ký chữ "X" tại hàng ngang qua ngay ngày 9/6 để thừa nhận có nợ số tiền 564.000 đồng vì ngày hôm đó ông quên mang theo sổ của ông nên ông mới ký tên bên sổ của ông N, đều này cũng không chứng minh là ông đã trả xong nợ cũ là 27.393.751 đồng.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xác định: Ông X có mua phân bón, thuốc trừ sâu do ông N bán và sau khi kết toán lại ngày 30/4/2018 thì ông X còn nợ ông N số tiền 27.393.751 đồng (trong đó gồm tiền vốn là 25.342.465 đồng và tiền lãi là 2.051.286 đồng), sau đó có mua thêm (mua thiếu) 03 lần với số tiền 1.196.500 đồng (cụ thể ngày 07/6/2018 mua thiếu 444.000 đồng, ngày

09/6/2018 mua thiếu 564.000 đồng, ngày 15/6/2018 mua thiếu 188.500 đồng), nên còn nợ lại số tiền vốn là 26.538.965 đồng, ông X chưa trả số tiền này cho ông N. Do đó cần buộc ông Nguyễn Ngọc X có nghĩa vụ trả số tiền này cho ông Trình Quốc N.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lê Thị Hồng T đại diện ủy quyền của Ông N có yêu cầu tính lãi lại từ ngày 16/4/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 17/1/2021 là 9 tháng với lãi suất 1% tháng, thành tiền là 2.388.500 đồng, tổng cộng lãi, vốn là 28.927.500 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hai bên đương sự thống nhất việc mua bán là gối đầu và lãi suất là 1%/tháng. Do đó, ông N yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và chỉ tính 9 tháng lãi đã có lợi cho phía bị đơn. Do đó cần sửa bản án sơ thẩm về phần tính lãi.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc X, sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 430, 440, 468, 357 Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Ngọc X. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 22/2022/DS-ST ngày 17 tháng 01 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trình Quốc N. Buộc ông Nguyễn Ngọc X trả cho ông Trình Quốc N số tiền mua phân bón thuốc trừ sâu còn nợ là 28.927.500 đồng, trong đó (Tiền vốn là 26.538.965 đồng, và lãi là 2.388.500 đồng);

Thời gian thực hiện trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật;

Kể từ ngày ông N có đơn yêu cầu thi hành án đến khi thi hành án xong, nếu ông X chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Ngọc X không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Ngọc X phải chịu 1.446.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0005403 ngày 25/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên ông X còn phải nộp số tiền là 1.146.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G ;
- THADS huyện G ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;
- Đăng cổng TTĐT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong